

Bản án số: 04/2026/HS-ST
Ngày 22-01-2026

Bản án số: 04/2026/HS-ST
Ngày 22-01-2026

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cho và bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên
tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.**

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Thông báo số 01/2026/TB-TA ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi thời gian mở phiên toà, đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1976, tại A, Kiên Giang; CCCD số 091076003821; Nơi thường trú: ấp C, xã A, tỉnh An Giang. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Viên chức (Nguyên giám đốc Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A); Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Ngô Thị D; Vợ là Nguyễn Thị T và có 01 người con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Hoàng Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 02 năm 2025 đến nay. *Có mặt.*

2. Nguyễn Văn Bé T1, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1981, tại A, Kiên Giang; CCCD số 091081003332; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị P1; Vợ Trần Thị

Cầm L và có 02 người con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến nay. *Có mặt.*

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Đ:* Luật sư Nguyễn Trường T2 - Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. *Có mặt.*

- *Bị hại:* Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh xã A, tỉnh An Giang); địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh An Giang.

Người đại diện: Ông Huỳnh Văn N - Giám đốc Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh xã A, tỉnh An Giang. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. *Có đơn xin vắng mặt.*

+ Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp C, xã A, tỉnh An Giang. *Có đơn xin vắng mặt.*

+ Anh Trương Minh G, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp I, xã Đ, tỉnh An Giang. *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền Thanh huyện A, tỉnh Kiên Giang được thành lập theo Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang), là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện A, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện A, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát T4 và Truyền hình K2 cùng các đơn vị khác có liên quan; thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Lê Hoàng Đ làm Giám đốc.

Qua kết quả thanh tra, UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) nội dung: Kiến nghị khởi tố hành vi vi phạm của Lê Hoàng Đ, Giám đốc Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A về việc: Chỉ đạo phụ trách kế toán lập 03 hồ sơ, chứng từ chuyển khoản chi không số tiền 43.421.383 đồng và chịu trách nhiệm trong vai trò thủ trưởng điều hành, quản lý tài chính của đơn vị chi không đúng quy định số tiền 272.952.160 đồng.

- Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ trung cầu giám định xác định số tiền sai phạm của từng cá nhân và trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan. Tại bản Kết luận giám định số: 89/KLGD-STC, ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh K kết luận: Ông Lê Hoàng Đ - Giám đốc Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A, chịu trách nhiệm trong vai trò thủ trưởng, điều hành, quản lý tài chính của đơn vị, chi không đúng quy định số tiền 272.952.160 đồng. Đối với 03 (ba) chứng từ 43.421.383 đồng (năm 2021) chi mua quạt trần, quạt đứng, sửa chữa bản lề lá cơ quan, chi mua vật tư, văn phòng phẩm, dụng cụ, cụ thể: Giấy rút tiền số 103 ngày 20/01/2022 số tiền là 14.300.000 đồng và giấy rút tiền số 91 ngày 11/01/2022 số tiền là 19.500.000 đồng và giấy rút tiền số 102 ngày 23/01/2022 số tiền là 9.621.383 đồng. Qua kiểm tra chứng từ thì Nguyễn Văn Bé T1 có tham mưu cho Giám đốc Trung tâm làm hồ sơ thanh quyết toán, có lập chứng từ.

Quá trình điều tra xác định hành vi tham ô tài sản số tiền 43.421.383 đồng được Lê Hoàng Đ, Nguyễn Văn Bé T1 thực hiện như sau: Lê Hoàng Đ, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A, phụ trách chung mọi hoạt động của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước UBND huyện về toàn bộ hoạt động của Trung tâm, trực tiếp phụ trách lĩnh vực truyền thanh; công tác tổ chức; công tác tài chính - thu chi ngân sách; chịu trách nhiệm xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh, truyền hình của huyện. Nguyễn Văn Bé T1, chức vụ: Viên chức, Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A, kiêm phụ trách kế toán của Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A (từ tháng 06/2020 đến tháng 03/2022). Tháng 08/2020, Đ1 Truyền thanh và Trung tâm V, đến cuối năm 2021, Nguyễn Văn Bé T1 là kế toán Trung tâm có báo cáo với Lê Hoàng Đ về nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13) còn dư số tiền 43.421.383 đồng. Sau đó, Lê Hoàng Đ chỉ đạo Bé T1

xuất hóa đơn không để nhận lại nguồn tiền chi trong đơn vị. Nguyễn Văn Bé T1 nhờ ông Huỳnh Thanh T3 (thời điểm này đang công tác tại Trung tâm G1) liên hệ xin hóa đơn mua hàng quạt trần, quạt đứng, quạt treo tường, dây điện, bóng đèn ở cửa hàng D1 số tiền 19.500.000 đồng. Sau đó, cửa hàng D1 trừ thuế và đưa tiền mặt cho ông T3 là 17.550.000 đồng, ông T3 đưa Bé T1 số tiền này. Lúc này, B Tư thông qua các mối quan hệ tại các cửa hàng: N, Cái Đăng K1, xin xuất các hóa đơn gồm: Hóa đơn văn phòng phẩm tại cửa hàng N2 tiền 9.621.383 đồng, hóa đơn mua bản lề, lá cửa sửa chữa cơ quan tại cửa hàng C số tiền 14.300.000 đồng. Lập chứng từ xong, Bé T1 chuyển khoản cho các cửa hàng, sau đó Bé T1 đến các cửa hàng này liên hệ trừ tiền thuế xuất hóa đơn và trực tiếp nhận lại được tổng số tiền 40.466.000 đồng (chênh lệch số tiền nguồn 13 là 2.955.383 đồng). Sau đó, Lê Hoàng Đ tổ chức hội ý tại đơn vị (không có biên bản họp) thông báo cuối năm còn dư (nguồn 13) số tiền 40.466.000 đồng, thống nhất dùng để mua quà tết cho anh em trong và ngoài đơn vị số tiền 22.466.000 đồng nhưng Đ không chứng minh được chi cho ai, còn lại Lê Hoàng Đảm N1 số tiền 11.000.000 đồng, chi cho Nguyễn Thị Như Ý là Phó giám đốc Trung tâm số tiền 4.000.000 đồng, Trương Minh G là Phó giám đốc Trung tâm số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn Bé T1 là kế toán 1.000.000 đồng.

Đối với trách nhiệm trong vai trò Thủ trưởng, điều hành, quản lý, sử dụng tài chính của đơn vị, không đúng quy định với số tiền 272.952.160 đồng: Quá trình điều tra có căn cứ xác định Lê Hoàng Đ được giao quản lý, sử dụng kinh phí để chi: công tác phí vượt số ngày đi công tác số tiền 1.360.000 đồng; thanh toán công tác phí trùng ngày đi công tác số tiền 1.110.000 đồng; thanh toán trùng tiền nhiên liệu và trùng tiền bồi dưỡng cho trọng tài chính, giám sát môn bóng chuyền hơi nữ với số tiền 2.500.000 đồng; thanh toán sai quy định số tiền 2.080.000 đồng; thanh toán công tác phí vượt số ngày đi công tác số tiền 370.000 đồng; thanh toán vượt số trận đấu quy định số tiền 39.670.000 đồng. Tổng số tiền gây thất thoát là 47.090.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Chi đúng quy định, có văn bản, chủ trương, trình duyệt của UBND huyện A tổng số tiền 225.862.160 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng).

Trong quá trình điều tra tạm giữ vật chứng do cơ quan kiến nghị khởi tố bàn giao, gồm 01 hóa đơn số 0052878 ngày 31/12/2021 của cửa hàng N3; 01 hóa đơn số 0053678 ngày 28/12/2021 của cửa hàng D1; 01 hóa đơn số 0067689 ngày

30/12/2021 của cửa hàng C; 01 giấy rút dự toán số RDT102, ngày 23/01/2022, số tiền 9.621.383 đồng; 01 giấy rút dự toán số RDT91, RD ngày 11/01/2022, số tiền 19.500.000 đồng và 01 giấy rút dự toán số RDT103, ngày 20/01/2022, số tiền 14.300.000 đồng.

- Theo kết luận điều tra: Lê Hoàng Đ có trách nhiệm nộp trả ngân sách nhà nước số tiền gây thất thoát là 47.090.000 đồng, số tiền tham ô tài sản là 36.421.383 đồng, tổng cộng là 83.511.383 đồng. Do Lê Hoàng Đ đã nộp 154.293.323 đồng nên khấu trừ còn lại số tiền 70.781.940 đồng, đề nghị hoàn trả cho Đ. Nguyễn Văn Bé T1 đã nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Như Ý nộp số tiền 4.000.000 đồng, Trương Minh G nộp lại số tiền 2.000.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSKV7 ngày 13-10-2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 truy tố các bị cáo Lê Hoàng Đ và Nguyễn Văn Bé T1 về Tội tham ô tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị hoàn trả cho bị cáo Đ số tiền 70.781.940 đồng.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo Lê Hoàng Đ và Nguyễn Văn Bé T1 phạm tội tham ô tài sản và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 353 và điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Hoàng Đ và Nguyễn Văn Bé T1. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng Đ 02 năm tù cho hưởng án treo và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 01 năm tù cho hưởng án treo.

Về vật chứng, do các hóa đơn gồm: 01 hóa đơn số 0052878 ngày 31/12/2021 của cửa hàng N3; 01 hóa đơn số 0053678 ngày 28/12/2021 của cửa hàng D1; 01 hóa đơn số 0067689 ngày 30/12/2021 của cửa hàng C; 01 giấy rút dự toán số RDT102, ngày 23/01/2022, số tiền 9.621.383 đồng; 01 giấy rút dự toán số RDT91, RD ngày 11/01/2022, số tiền 19.500.000 đồng và 01 giấy rút dự toán số RDT103, ngày 20/01/2022, số tiền 14.300.000 đồng là những tài liệu, chứng cứ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là chứng cứ của vụ án nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu và kèm theo hồ sơ vụ án. Đề nghị cho bị cáo Đảm nhận lại số tiền nộp khắc phục còn thừa là 70.781.940 đồng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Bị cáo đã trình bày rất rõ sai phạm của bị cáo, Luật sư thống nhất tội danh của Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đ các tình tiết giảm nhẹ là mới phạm

tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả. Bị cáo có trách nhiệm trong công việc, rất nhiều thành tích; sai phạm số tiền không lớn. Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tích cực hợp tác điều tra, đại diện bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng Điều 59 của Bộ luật Hình sự xem xét miễn hình phạt cho bị cáo hoặc xử dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị cáo Lê Hoàng Đ trình bày: Bị cáo thống nhất lời bào chữa của Luật sư. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ban đầu bị cáo không nghĩ hành vi bị cáo vi phạm luật hình sự, nhưng trong quá trình điều tra được phân tích thì bị cáo đã hiểu, nhận thấy việc làm như vậy là sai nên đã rất hợp tác với cơ quan điều tra để giải quyết nhanh vụ án. Từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật, bị cáo luôn cố gắng trong công tác, vì sai phạm này mà mất tương lai sự nghiệp chính trị của bị cáo. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ.

- Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 trình bày: Bị cáo biết việc làm mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện bị hại trình bày: Bị hại đã nhận lại đầy đủ số tiền khắc phục hậu quả. Đề nghị xem xét mức án thấp nhất cho các bị cáo, nếu có thể được xin miễn hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện cơ bản đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Bị cáo Lê Hoàng Đ, chức vụ: Giám đốc, phụ trách chung mọi hoạt động của Trung tâm, trực tiếp phụ trách lĩnh vực truyền thanh; công tác tổ chức; công tác tài chính - thu chi ngân sách; chịu trách nhiệm xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh, truyền hình của huyện. Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1, chức vụ: Viên chức, Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A, kiêm phụ trách kế toán

của Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh huyện A (từ tháng 06/2020 đến tháng 03/2022). Tháng 08/2020, Đ1 Truyền thanh và Trung tâm V; đến cuối năm 2021, Nguyễn Văn Bé T1 có báo cáo với Lê Hoàng Đ về nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13) còn dư số tiền 43.421.383 đồng; Lê Hoàng Đ chỉ đạo Bé T1 xuất hóa đơn không để nhận lại nguồn tiền chi trong đơn vị. Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 đã thực hiện theo chỉ đạo, lập chứng từ không thanh toán số tiền 43.421.383 đồng, sau khi trừ các khoản thuế trực tiếp nhận lại được tổng số tiền 40.466.000 đồng (chênh lệch số tiền nguồn 13 là 2.955.383 đồng). Sau đó, bị cáo Lê Hoàng Đ tổ chức hội ý tại đơn vị (không có biên bản họp) thông báo cuối năm còn dư (nguồn 13) số tiền 40.466.000 đồng, thống nhất dùng để mua quà tết cho anh em trong và ngoài đơn vị số tiền 22.466.000 đồng nhưng Đ không chứng minh được chi cho ai, còn lại Lê Hoàng Đ số tiền 11.000.000 đồng, chi cho Nguyễn Thị Như Ý là Phó giám đốc Trung tâm số tiền 4.000.000 đồng, Trương Minh G là Phó giám đốc Trung tâm số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn Bé T1 là kế toán 1.000.000 đồng.

Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố tình lập chứng từ không để chiếm đoạt tiền của Nhà nước được giao quản lý, làm thất thoát ngân sách Nhà nước số tiền 43.421.383 đồng. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo T5 tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, tính chất của vụ án: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước, làm giảm xúc lòng tin của Nhân dân vào hoạt động, quản lý của cơ quan Nhà nước, giảm uy tín của bản thân, ảnh hưởng đến dư luận xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Lê Hoàng Đ trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt khắc phục hậu quả. Bản thân bị cáo trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được tặng nhiều bằng khen, trong đó được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2012. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách

của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy định, quy chế trong công tác, gia đình tiêu biểu tại địa phương (vợ bị cáo có rất nhiều thành tích trong công tác, năm 2025 được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; con bị cáo có nhiều thành tích trong học tập và hoạt động xã hội, được tặng nhiều bằng khen cấp tỉnh), cha bị cáo là người có công với cách mạng; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền nhận từ Lê Hoàng Đ; vai trò bị cáo trong vụ án chỉ là cán bộ kiêm nhiệm làm kế toán, thực hiện theo sự chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị, không có lợi ích vật chất gì lớn. Bản thân bị cáo trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2013. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy định, quy chế trong công tác, gia đình tiêu biểu tại địa phương (vợ bị cáo có rất nhiều thành tích trong công tác, năm 2025 được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen); đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, cả 02 bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về quyết định hình phạt, thấy rằng các bị cáo phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội giản đơn, số tiền thất thoát không lớn và đã nộp lại khắc phục; đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các bị cáo không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định. Đối chiếu theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, thấy các bị cáo đủ các điều kiện cho hưởng án treo, các bị cáo đang công tác tại Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh xã A, tỉnh An Giang nên Hội đồng xét xử chỉ cần giao bị cáo cho cơ quan, tổ chức nơi các bị cáo đang công tác, làm việc giám sát, giáo dục cũng đủ giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo tự sửa chữa, có thể tiếp tục cống hiến trí tuệ, công sức cho xã hội. Bên cạnh đó, cũng tạo điều kiện cho vợ con các bị cáo an tâm học tập, tiếp tục phấn đấu trong công tác, lao động.

[4] Đối với đề nghị của Luật sư về việc áp dụng Điều 59 của Bộ luật Hình sự miễn hình phạt cho bị cáo Lê Hoàng Đ là chưa phù hợp. Bởi lẽ bị cáo Đ là thủ trưởng đơn vị, chỉ đạo cho bị cáo T1 thực hiện hành vi, xét vai trò của bị cáo Đ phải có mức án nặng hơn bị cáo T1.

[5] Về vật chứng, thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu và kèm theo hồ sơ vụ án các tài liệu: 01 hóa đơn số 0052878 ngày 31/12/2021 của cửa hàng N3; 01 hóa đơn số 0053678 ngày 28/12/2021 của cửa hàng D1; 01 hóa đơn số 0067689 ngày 30/12/2021 của cửa hàng C; 01 giấy rút dự toán số RDT102, ngày 23/01/2022, số tiền 9.621.383 đồng; 01 giấy rút dự toán số RDT91, RD ngày 11/01/2022, số tiền 19.500.000 đồng và 01 giấy rút dự toán số RDT103, ngày 20/01/2022, số tiền 14.300.000 đồng .

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc cho bị cáo Đảm nhận lại số tiền nộp khắc phục còn thừa là 70.781.940 đồng: Thấy rằng theo Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND ngày 12/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, số tiền phải thu hồi 534.911.712 đồng, cụ thể có 07 cá nhân phải nộp, trong đó bị cáo Lê Hoàng Đ phải nộp số tiền 455.662.712 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 nộp 1.000.000 đồng. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A có Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND ngày 01/8/2024 về việc sửa đổi một số nội dung Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND, theo kết luận này bị cáo Lê Hoàng Đ phải nộp số tiền 313.689.596 đồng. Trong quá trình thanh tra bị cáo Lê Hoàng Đ có nộp số tiền 154.293.323 đồng vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện A có nội dung “Nộp theo Kết luận thanh tra số 01 của UBND huyện A”; bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 có nộp số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện A có nội dung “Nộp tiền sai phạm sau kết luận thanh tra”. Trong vụ án này, các bị cáo bị truy tố về hành vi tham ô tài sản với số tiền thiệt hại là 43.421.383 đồng. Bị cáo Lê Hoàng Đ nộp số tiền 154.293.323 đồng vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện A theo Kết luận thanh tra số 01 của UBND huyện A nhưng không ghi rõ cụ thể nộp khắc phục khoản tiền nào. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo, tính cho các bị cáo trong số tiền nộp khắc phục đã có 43.421.383 đồng tiền

tham ô, xem như các bị cáo đã khắc phục xong hậu quả số tiền tham ô là 43.421.383 đồng. Tuy nhiên, ngoài số tiền gây thất thoát ngân sách bị xử lý trách nhiệm hình sự, theo kết luận thanh tra Lê Hoàng Đ còn phải nộp lại ngân sách Nhà nước nhiều khoản tiền khác, bị cáo Đ nộp số tiền 154.293.323 đồng vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện A có nội dung nộp theo Kết luận thanh tra số 01 của UBND huyện A nên bị cáo Đ phải liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xem bị cáo còn phải khắc phục số tiền nào ngoài số tiền tham ô bị truy tố, đối chiếu các khoản phải nộp, khấu trừ số tiền đã nộp để xác định số tiền cần phải nộp thêm, số tiền được nhận lại. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định các bị cáo đã khắc phục xong số tiền tham ô bị truy tố, không quyết định trả lại cho bị cáo Đ bao nhiêu tiền.

[6] Về án phí, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Đối với việc các cửa hàng D1, N và Cái Đăng K1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã tiến hành làm việc nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự, cũng như xử lý hành chính.

Đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí, sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định hành vi của bị cáo Lê Hoàng Đ, bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 và ông Huỳnh Thanh T3 là viên chức kế toán (từ tháng 04/2022 đến 31/12/2022) với tổng số tiền gây thất thoát là 47.090.000 đồng (dưới 100.000.000 đồng). Bản thân các cá nhân trên không bị xử lý kỷ luật, không bị xử phạt vi phạm hành chính nên chưa đủ căn cứ phạm vào tội Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí, quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã ra Quyết định đình chỉ số 1944/QĐ-CSKT ngày 21 tháng 10 năm 2025 đình chỉ đối với hành vi Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí.

Đối với Nguyễn Thị Như Ý, Trương Minh G được nhận tiền từ Lê Hoàng Đ chiếm đoạt, nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Đối với Huỳnh Thanh T3 có liên hệ xin hóa đơn giùm Nguyễn Văn Bé T1 nhưng không hay biết việc Bé T1 và Lê Hoàng Đ xin hóa đơn để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hoàng Đ và Nguyễn Văn Bé T1 phạm tội Tham ô tài sản.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 353 và điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng Đ 02 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm; thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án (22/01/2026).

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 353 và điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm; thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án (22/01/2026).

Giao bị cáo Lê Hoàng Đ và bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 cho Trung tâm Văn hóa , Thể thao và Truyền thanh xã A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi làm việc hoặc thôi việc, nghỉ việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng.

2- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu và kèm theo hồ sơ vụ án các tài liệu: 01 hóa đơn số 0052878 ngày 31/12/2021 của cửa hàng N3; 01 hóa đơn số 0053678 ngày 28/12/2021 của cửa hàng D1; 01 hóa đơn số 0067689 ngày 30/12/2021 của cửa hàng C; 01 giấy rút dự toán số RDT102, ngày 23/01/2022, số tiền 9.621.383 đồng; 01 giấy rút dự toán số RDT91, RD ngày 11/01/2022, số tiền 19.500.000 đồng và 01 giấy rút dự toán số RDT103, ngày 20/01/2022, số tiền 14.300.000 đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp khắc phục số tiền 43.421.383 đồng xong.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Hoàng Đ và bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo, đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2026); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Phân trại tạm giam khu vực UMT;
- Công an xã An Minh, xã Đông Hòa;
- UBND xã An Minh, xã Đông Hòa;
- Trung tâm VH, TT & TT xã An Minh;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAAG;
- Sở TP tỉnh AG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận